TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/DS-ST
Ngày: 05-4-2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Minh Hường.

2. Ông Lê Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2018/TLST-DS, ngày 03 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần A; địa chỉ trụ sở chính: đường L, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông T1 - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần A (văn bản ủy quyền số 122/QĐ-DAB-HĐQT ngày 27/4/2016).

Ông T1 ủy quyền lại cho ông D - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần A - Chi nhánh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền số 1086/QĐ-DAB-PC ngày 12/6/2016).

Ông D ủy quyền lại cho ông A - Chức vụ: Cán bộ Tín dụng Ngân hàng thương mại cổ phần A - Chi nhánh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền số 114/QĐ-VLG ngày 11/9/2018); vắng mặt.

Địa chỉ: đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Kim T; vắng mặt.

Nơi cư trú: Ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2018 và quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng thương mại cổ phần A - Chi nhánh Vĩnh Long trình bày:

Ngày 15/6/2017 Ngân hàng thương mại cổ phần A - Chi nhánh Vĩnh Long (gọi tắt: Ngân hàng) và bà Nguyễn Kim T ký kết hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số 00747794.0119635201T17014.

Số tiền vay: 10.000.000 đồng.

Thời hạn cho vay: 48 tuần (kể từ ngày tiếp theo của ngày bên vay rút khoản vốn vay đầu tiên), từ ngày 15/6/2017 đến ngày 17/5/2018.

Lãi suất: Lãi suất trong hạn 01%/tháng, lãi suất quá hạn 150% so với lãi suất trong hạn.

Mục đích vay: Tiêu dùng.

Tài sản thế chấp: Không.

Phương thức thanh toán: Nợ gốc và lãi bên vay trả góp 48 kỳ bằng nhau, số tiền thanh toán cho 01 kỳ là 232.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng, từ ngày 15/6/2017 đến 08/8/2018 bà T thanh toán được 5.336.000 đồng (trong đó tiền vốn 4.756.722 đồng, tiền lãi trong hạn 579.278 đồng). Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 22/6/2017 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngày 08/02/2018, bà T cam kết sẽ thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng nhưng vẫn không thực hiện.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Kim T trả cho Ngân hàng số tiền 7.177.571 đồng. Trong đó:

+ Tiền vốn còn nợ: 5.243.278 đồng.

+ Tiền lãi trong hạn: 528.414 đồng.

+ Tiền lãi quá hạn: 1.405.879 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử.

Bị đơn Nguyễn Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số 00747794.0119635201T17014 ngày 15/6/2017 được ký kết giữa Ngân hàng và bà T là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật. Ngân hàng có quyền thực hiện hoạt động cho vay được quy định tại Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp Tòa án đã chứng minh bà T ký nhận số tiền vay 10.000.000 đồng bằng hình thức nhận tiền mặt vào ngày 15/6/2017. Trong quá trình vay bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận. Do đó, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên được chấp nhận. Vì vậy, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay còn nợ 5.243.278 đồng.

Về tiền lãi: Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số 00747794.0119635201T17014 ngày 15/6/2017 được bà T và Ngân hàng thỏa thuận lãi suất trong hạn 01%/tháng, lãi suất quá hạn tính bằng 150% lãi suất trong hạn (tương đương 1,5%/tháng). Xét thỏa thuận này của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm gồm nợ lãi trong hạn 528.414 đồng, nợ lãi quá hạn 1.405.879 đồng.

Như vậy, bà T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay và lãi 7.177.500 đồng.

Bị đơn Nguyễn Kim T không tham gia phiên tòa, không có văn bản nêu ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đưa ra. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết mà nguyên đơn đưa ra là sự thật.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn bà Nguyễn Kim T chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền mà bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn, được tính như sau: 7.177.500 đồng x 5% = 359.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 147 của Bộ luật

Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Buộc bà Nguyễn Kim T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền vốn vay còn nợ 5.243.278 đồng, lãi trong hạn 528.414 đồng, lãi quá hạn 1.405.879 đồng, tổng cộng vốn và lãi 7.177.500đ (bảy triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Kim T phải chịu 359.000đ (ba trăm năm mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004035 ngày 04/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi nguyên đơn có trụ sở, bị đơn cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TP V;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quan